|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BTNMT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**THÔNG TƯ**

Dự thảo

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung**

**của các Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật**

**thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý**

*Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;**Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần 1. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-BTNMT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3.1 Mục 3 Phần 1 như sau:

“3.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là Định mức lao động):là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung của định mức lao động bao gồm:

a) Nội dung công việc: quy định các thao tác cơ bản để thực hiện bước công việc.

b) Phân loại khó khăn: quy định các yếu tố chính gây ảnh hưởng đến việc thực hiện của bước công việc làm căn cứ để phân loại khó khăn.

c) Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

d) Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

- Ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

- Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số, trong đó: tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân); mẫu số là mức lao động phổ thông, tính theo công cá nhân. Lao động phổ thông là người lao động được thuê mướn để thực hiện các công việc giản đơn như vận chuyển các thiết bị kèm theo máy chính, vật liệu, thông hướng tầm ngắm, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo ngắm, đào bới mốc, rửa vật liệu.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.”

2. Bãi bỏ điểm d, đ khoản 3.2 Mục 3 Phần 1.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin địa danh việt nam và nước ngoài phục vụ công tác lập bản đồ ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BTNMT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3.1 Mục 3 Phần I như sau:

“3.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là Định mức lao động):là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung của định mức lao động bao gồm:

a) Nội dung công việc: xác định các thao tác cơ bản để thực hiện bước công việc;

b) Phân loại khó khăn: xác định các yếu tố chính gây ảnh hưởng đến việc thực hiện của bước công việc làm căn cứ để phân loại khó khăn;

c) Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

d) Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

- Ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.”

2. Bãi bỏ điểm d, đ khoản 3.2 Mục 3 Phần I.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4.1 Mục 4 Phần I như sau:

“4.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là Định mức lao động):là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành*.*

Nội dung của Định mức lao động bao gồm:

a) Nội dung công việc: liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc.

b) Phân loại khó khăn: là mức độ phức tạp của công việc do ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đến việc thực hiện của bước công việc.

c) Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

d) Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

- Ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

- Riêng ngày công làm việc trực tiếp trên biển tính bằng 6 giờ làm việc.

- Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số, trong đó:

+ Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân);

+ Mẫu số là mức lao động phổ thông, tính theo công cá nhân. Lao động phổ thông là người lao động được thuê mướn để thực hiện các công việc giản đơn như vận chuyển thiết bị, vật liệu, thông hướng tầm ngắm, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo ngắm, đào bới mốc, rửa vật liệu.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| 312 |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc”

- Mức lao động kỹ thuật khi phải ngừng nghỉ việc do thời tiết của lao động kỹ thuật ngoại nghiệp được tính theo hệ số trong Bảng A - trang 3.

- Mức lao động kỹ thuật do ảnh hưởng của phim ảnh cũ được tính theo hệ số Bảng B - trang 3.”

2. Bãi bỏ điểm c, d khoản 4.2 Mục 4 Phần I.

3. Bãi bỏ Tiểu mục 3, Mục 5, Chương 2, Phần II.

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật đo trọng lực chi tiết ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BTNMT ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3.1 Mục 3 Phần I như sau:

“3.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là Định mức lao động):là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành*.*

Nội dung của định mức lao động bao gồm:

a) Nội dung công việc: liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc;

b) Phân loại khó khăn: nêu các yếu tố cơ bản gây ảnh hưởng đến việc thực hiện bước công việc;

c) Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

d) Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành. Đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

- Ngày công (ca) trên mặt đất tính bằng 8 giờ làm việc. Ngày công trên biển tính bằng 6 giờ làm việc.

- Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số, trong đó:

+ Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân);

+ Mẫu số là mức lao động phổ thông, tính theo công cá nhân. Lao động phổ thông là người lao động được thuê để thực hiện các công việc đơn giản như vận chuyển các thiết bị, vật liệu, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo ngắm, đào mốc, rửa vật liệu.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.

- Mức lao động kỹ thuật ngoại nghiệp khi phải tạm dừng, nghỉ việc do thời tiết được tính theo hệ số quy định trong bảng sau:

| **TT** | **Vùng tính hệ số** | **Hệ số** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Trên mặt đất | 0,25 |
| 2 | Trên biển |  |
| 2.1 | Từ Quảng Ninh đến Ninh Bình | 0,60 |
| 2.2 | Từ Thanh Hóa đến Bình Thuận | 0,55 |
| 2.3 | Từ Bà Rịa - Vũng Tàu đến Kiên Giang | 0,50 |
| 2.4 | Vùng biển cách bờ từ 100 km của tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến giáp các khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa | 0,80 |
| 2.5 | Khu vực Hoàng Sa, Trường Sa | 1,00 |

2. Bãi bỏ điểm c khoản 3.2, điểm b khoản 3.3 Mục 3 Phần I.

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp ban hành kèm theo Thông tư số 49/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3.1 Mục 3 Phần I như sau:

“3.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là Định mức lao động):là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành*.*

Nội dung của định mức lao động bao gồm:

3.1.1. Nội dung công việc: liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc;

3.1.2. Phân loại khó khăn: nêu các yếu tố cơ bản gây ảnh hưởng đến việc thực hiện bước công việc làm căn cứ để phân loại khó khăn;

3.1.3. Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

3.1.4. Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành*;* đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

- Ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

- Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số, trong đó:

+ Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân);

+ Mẫu số là mức lao động phổ thông (tính theo công cá nhân). Lao động phổ thông là người lao động được thuê mướn để thực hiện các công việc giản đơn như vận chuyển các thiết bị kèm theo máy chính, vật liệu, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo ngắm, đào bới mốc, rửa vật liệu.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.

- Mức lao động kỹ thuật khi phải ngừng nghỉ việc do thời tiết của lao động kỹ thuật ngoại nghiệp được tính theo hệ số là 0,25, gồm các công việc sau:

+ Xác định đường địa giới hành chính, vị trí cắm mốc địa giới hành chính và các điểm đặc trưng;

+ Lập bản mô tả đường địa giới hành chính cấp xã;

+ Cắm mốc địa giới hành chính: đúc mốc, chôn mốc và vẽ sơ đồ vị trí mốc; tiếp điểm; đo ngắm.”

2. Sửa đổi khoản 3.2 Mục 3 Phần I như sau:

“- Định mức vật tư và thiết bị bao gồm định mức sử dụng vật liệu và định mức sử dụng dụng cụ (công cụ, dụng cụ), thiết bị (máy móc).

+ Định mức sử dụng vật liệu: là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm;

+ Định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị: là số ca người lao động trực tiếp sử dụng dụng cụ, thiết bị cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm.

- Thời hạn sử dụng dụng cụ, thiết bị: là thời gian dự kiến sử dụng dụng cụ, thiết bị vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của dụng cụ, thiết bị.

+ Thời hạn sử dụng dụng cụ: xác định bằng phương pháp thống kê; đơn vị tính là tháng;

+ Thời hạn sử dụng thiết bị: theo quy định tại các thông tư liên tịch hướng dẫn lập dự toán giữa Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

**Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000 ban hành kèm theo Thông tư số 72/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5.1 Mục 5 Chương I như sau:

“5.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là định mức lao động): là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành*.* Nội dung của định mửc lao động bao gồm:

5.1.1. Nội dung công việc: liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc.

5.1.2. Phân loại khó khăn: là mức độ phức tạp của công việc do ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc thù làm việc trên biển... đến việc thực hiện công việc.

5.1.3. Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

5.1.4. Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

5.1.4.1. Ngày công làm việc trực tiếp trên đất liền (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

5.1.4.2. Ngày công làm việc trực tiếp trên biển (ca) tính bằng 6 giờ làm việc.

5.1.4.3. Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số.

Trong đó:

a) Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân).

b) Mầu số là mức lao động phổ thông, tính theo công cá nhân. Lao động phổ thông là người lao động được thuê mướn để thực hiện các công việc giản đơn như: vận chuyển thiết bị, vật liệu, thông hướng tầm ngắm, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo ngắm, đào bới mốc, rửa vật liệu.

5.1.4.4. Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

a) Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

b) Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc”

5.1.4.5. Mức lao động kỹ thuật khi phải ngừng nghỉ việc do thời tiết của lao động kỹ thuật ngoại nghiệp được tính theo hệ số trong Bảng A.

Bảng A: Hệ số mức do thời tiết áp dụng cho các công việc ngoại nghiệp

| **TT** | **Vùng và công việc tính hệ số** | **Hệ số** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Công việc thực hiện trên đất liền |  |
| 1.1 | Đo thủy chuẩn hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật | 0,30 |
| 1.2 | Các công việc ngoại nghiệp còn lại | 0,25 |
| 2 | Thành lập bản đồ địa hình đáy biển thục hiện tại các vùng biển |  |
| 2.1 | Từ Quảng Ninh đến Ninh Bình | 0,60 |
| 2.2 | Từ Thanh Hóa đến Bình Thuận | 0,55 |
| 2.3 | Từ Bà Rịa - Vũng Tàu đến Kiên Giang | 0,50 |
| 2.4 | Vùng biển cách bờ từ 100 km của tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến giáp các khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa | 0,80 |
| 2.5 | Khu vực quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trưởng Sa | 1,00 |

2. Bãi bỏ điểm 5.2.3, 5.2.4 khoản 5.2 Mục 5 Chương I.

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và 1:10.000 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BTNMT ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3.1 Mục 3 Phần I như sau:

“3.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là định mức lao động):là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành.Nội dung của định mửc lao động bao gồm:

3.1.1. Nội dung công việc: quy định các thao tác cơ bản để thực hiện bước công việc.

3.1.2. Phân loại khó khăn: quy định các yếu tố chính gây ảnh hưởng đến việc thực hiện của bước công việc làm căn cứ để phân loại khó khăn.

3.1.3. Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

3.1.4. Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

- Ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

- Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số, trong đó:

+ Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân);

+ Mẫu số là mức lao động phổ thông, tính theo công cá nhân. Lao động phổ thông là người lao động được thuê mướn để thực hiện các công việc giản đơn như vận chuyển các thiết bị, vật liệu, thông hướng tầm ngắm, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo ngắm, đào bới mốc, rửa vật liệu.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.

- Mức lao động kỹ thuật ngoại nghiệp khi phải ngừng nghỉ việc do thời tiết được tính theo hệ số 0,25.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3.2 Mục 3 Phần I như sau:

“- Định mức vật tư và thiết bị bao gồm định mức sử dụng vật liệu và định mức sử dụng dụng cụ (công cụ, dụng cụ), thiết bị (máy móc).

+ Định mức sử dụng vật liệu: là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

+ Định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị: là thời gian (ca) người lao động trực tiếp sử dụng dụng cụ, thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

- Thời hạn sử dụng dụng cụ (thời gian tính hao mòn), thiết bị (thời gian tính khấu hao) là thời gian quy định sử dụng dụng cụ, thiết bị vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của dụng cụ, thiết bị.

+ Thời hạn sử dụng dụng cụ: xác định bằng phương pháp thống kê; đơn vị tính là tháng.

+ Thời gian tính khấu hao thiết bị: theo quy định tại các Thông tư liên tịch hướng dẫn lập dự toán giữa Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 55/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5.1 Mục 5 Phần I như sau:

“5.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là định mức lao động):là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành*.* Nội dung của định mửc lao động bao gồm:

5.1.1. Nội dung công việc: quy định các thao tác cơ bản để thực hiện bước công việc.

5.1.2. Phân loại khó khăn: quy định các yếu tố chính gây ảnh hưởng đến việc thực hiện của bước công việc làm căn cứ để phân loại khó khăn.

5.1.3. Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

5.1.4. Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công (công nhóm)/đơn vị sản phẩm.

- Ngày công tính bằng 8 giờ làm việc.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| 312 |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.”

2. Bãi bỏ điểm 5.2.3, 5.2.4 khoản 5.2 Mục 5 Phần I.

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật thành lập bản đồ hành chính các cấp ban hành kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5.1 Mục 5 Phần I như sau:

“5.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là định mức lao động):là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành*.* Nội dung của định mửc lao động bao gồm:

5.1.1. Nội dung công việc: quy định các thao tác cơ bản để thực hiện bước công việc.

5.1.2. Phân loại khó khăn: quy định các yếu tố chính gây ảnh hưởng đến việc thực hiện của bước công việc làm căn cứ để phân loại khó khăn.

5.1.3. Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

5.1.4. Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công (công nhóm)/đơn vị sản phẩm.

- Ngày công tính bằng 8 giờ làm việc.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5.2 Mục 5 Phần I như sau:

“- Định mức vật tư và thiết bị bao gồm định mức sử dụng vật liệu, định mức sử dụng dụng cụ (công cụ, dụng cụ) và định mức sử dụng thiết bị (máy móc).

+ Định mức sử dụng vật liệu: là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

+ Định mức sử dụng dụng cụ: là thời gian (ca) người lao động trực tiếp sử dụng dụng cụ để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

+ Định mức sử dụng thiết bị: là thời gian (ca) người lao động trực tiếp sử dụng thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

- Thời hạn sử dụng dụng cụ (thời gian tính hao mòn), thiết bị (thời gian tính khấu hao) là thời gian quy định sử dụng dụng cụ, thiết bị vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của dụng cụ, thiết bị.

+ Thời hạn sử dụng dụng cụ: xác định bằng phương pháp thống kê; đơn vị tính là tháng.

+ Thời gian tính khấu hao thiết bị: theo quy định hiện hành của pháp luật.”

**Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:5.000 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung Mục 6 Chương I như sau:

“a) Ngày công làm việc trực tiếp trên đất liền (ca) tính bằng 8 giờ làm việc; ngày công làm việc trực tiếp trên biển (ca) tính bằng 6 giờ làm việc;

b) Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số. Trong đó:

- Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm);

- Mẫu số là mức lao động phổ thông, tính theo công cá nhân;

c) Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

- Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc”

d) Số ca sử dụng máy một năm áp dụng theo Quyết định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

đ) Thời hạn sử dụng dụng cụ áp dụng theo Quyết định tại Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ tài nguyên và môi trường;

e) Định mức sử dụng vật liệu: là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm;

g) Diện tích mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5000 theo cách chia mảnh trong hệ VN-2000 tính trung bình là 11,25 km2 ở thực địa (tương ứng 45 dm2 trên bản đồ).”

**Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Thông tư số 25/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5.1 Mục 5 Phần I như sau:

“5.1. Định mức lao động: là hao phí thời gian lao động cần thiết để kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng một sản phẩm đo đạc và bản đồ (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung của định mức lao động bao gồm:

5.1.1. Nội dung công việc

5.1.1.1. Kiểm tra chất lượng sản phẩm:

- Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý, tính thống nhất, tính hợp lệ của Hồ sơ kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công;

- Phân tích, đánh giá nội dung báo cáo tổng kết kỹ thuật, báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm và các biên bản kiểm tra chất lượng, phiếu ghi ý kiến kiểm tra, dữ liệu đo kiểm tra của cấp đơn vị thi công;

- Đánh giá quy cách sản phẩm so với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật và các quy định khác trong đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt;

- Xác định khối lượng của các hạng mục công việc, sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng và các hạng mục công việc, sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng (nếu có);

- Đánh giá, đề xuất xác định lại mức khó khăn các hạng mục công việc, sản phẩm đã thi công cho phù hợp quy định hiện hành và thực tế sản xuất.

5.1.1.2. Giám sát, thẩm định, nghiệm thu

a) Giám sát thi công:

- Giám sát nhân lực, thiết bị của Đơn vị thi công sử dụng trong quá trình triển khai;

- Kiểm tra phương tiện đo được sử dụng trong thi công;

- Giám sát việc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật trong quá trình thi công phù hợp với các quy định trong đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt;

- Giám sát tiến độ thi công theo đúng kế hoạch đề ra;

- Giám sát về khối lượng phát sinh tăng, giảm trong quá trình thi công;

- Giám sát quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp Đơn vị thi công;

- Lập Hồ sơ kiểm tra, hồ sơ nghiệm thu.

b) Thẩm định, nghiệm thu:

- Thẩm định việc tuân thủ các quy định trong đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;

- Thẩm định việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

- Thẩm định việc xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công theo yêu cầu của đơn vị kiểm tra, Chủ đầu tư và cơ quan Quyết định đầu tư;

- Thẩm định việc xác định khối lượng đạt chất lượng, mức khó khăn của hạng mục công việc, sản phẩm đã hoàn thành. Khi cần thiết có thể yêu cầu kiểm tra lại chất lượng, khối lượng, mức khó khăn dựa trên một số mẫu sản phẩm;

- Nghiệm thu về khối lượng, các hạng mục công việc, sản phẩm đã hoàn thành đạt chất lượng so với đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt;

- Nghiệm thu về khối lượng các hạng mục công việc, sản phẩm phát sinh (tăng, giảm) so với đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán (nếu có);

- Xác nhận mức khó khăn đối với các hạng mục công việc, sản phẩm hoàn thành.

5.1.2. Mức khó khăn: Không phân loại khó khăn đối với công tác kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

5.1.3. Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

5.1.4. Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để thực hiện bước công việc và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công nhóm/đơn vị sản phẩm.

- Thời gian làm việc một công là 8 giờ; riêng trên biển là 6 giờ.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5.2 Mục 5 Phần I như sau:

“5.2. Định mức dụng cụ: quy định thời gian cần thiết người lao động trực tiếp sử dụng dụng cụ để kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng một sản phẩm đo đạc và bản đồ. Đơn vị tính là ca/đơn vị sản phẩm.

Thời hạn sử dụng dụng cụ: là thời gian sử dụng dụng cụ vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của dụng cụ.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5.4 Mục 5 Phần I như sau:

“5.4. Định mức vật liệu: quy định số lượng vật liệu cần thiết sử dụng để kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng một sản phẩm đo đạc và bản đồ.”

**Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc trực tiếp phục vụ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1.000 và bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2019/TT-BTNMT ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7.1 Mục 7 Phần I như sau:

“7.1. Định mức lao động công nghệ (Định mức lao động): là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung của định mức lao động bao gồm:

7.1.1. Nội dung công việc: quy định các thao tác cơ bản để thực hiện bước công việc.

7.1.2. Phân loại khó khăn: quy định các yếu tố chính gây ảnh hưởng đến việc thực hiện của bước công việc làm căn cứ để phân loại khó khăn.

7.1.3. Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm.

7.1.4. Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công (công nhóm)/đơn vị sản phẩm.

a) Ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

b) Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số, trong đó:

- Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân) và chưa bao gồm mức ngừng nghỉ việc do thời tiết.

- Mức ngừng nghỉ việc do thời tiết theo quy định tại mục 5 Phần này.

- Mẫu số là mức lao động phổ thông (tính theo công cá nhân). Lao động phổ thông là người lao động được thuê mướn để thực hiện các công việc giản đơn như vận chuyển thiết bị, vật liệu, thông hướng tầm ngắm, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, đào bới mốc, rửa vật liệu...

c) Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

- Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.”

2. Bãi bỏ điểm 7.2.4 khoản 7.2 và điểm 7.4.2 khoản 7.4 Mục 7 Phần I.

**Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật mạng lưới trọng lực quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5.1 Mục 5 Phần I như sau:

“5.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật mạng lưới trọng lực quốc gia bao gồm các định mức thành phần sau:

5.1.1. Định mức lao động: là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung của định mức lao động bao gồm:

a) Nội dung công việc: liệt kê mô tả nội dung công việc, các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện công việc;

b) Xác định điều kiện chuẩn (phân loại mức khó khăn): xác định các yếu tố cơ bản như địa hình, địa vật, giao thông, thời tiết, địa chất và các điều kiện khác liên quan đến thực hiện công việc; xác định các mức khó khăn khác với điều kiện chuẩn;

c) Định biên: mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng bước công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm;

d) Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/01 đơn vị sản phẩm.

- Ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc

- Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số, trong đó:

+ Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân);

+ Mẫu số là mức lao động phổ thông, tính theo công cá nhân. Lao động phổ thông là người lao động được thuê để thực hiện các công việc đơn giản như vận chuyển các thiết bị, vật liệu, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo ngắm, đào mốc, rửa vật liệu.

- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.

5.1.2. Định mức dụng cụ

a) Định mức sử dụng dụng cụ: là hao phí về dụng cụ lao động được sử dụng để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

b) Thời hạn sử dụng dụng cụ là thời gian dự kiến sử dụng dụng cụ vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của dụng cụ. Xác định thời hạn sử dụng dụng cụ bằng phương pháp thống kê, kinh nghiệm. Đơn vị tính của thời hạn sử dụng dụng cụ là tháng.

5.1.3. Định mức thiết bị

a) Định mức sử dụng thiết bị là số ca (thời gian) người lao động trực tiếp sử dụng thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

b) Thời hạn sử dụng thiết bị: đối với máy móc, thiết bị là tài sản cố định, thời hạn sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính.

5.1.4. Định mức vật liệu: mức tiêu hao cho từng loại vật liệu để tạo ra một đơn vị sản phẩm hoặc một bước công việc tạo ra sản phẩm.”

**Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phần I. Quy định chung của Định mức kinh tế - kỹ thuật thu nhận và xử lý dữ liệu ảnh số từ tàu bay không người lái phục vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000, 1:5000 và thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BTNMT ngày 13 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5.2 Mục 5 Phần I như sau:

“- Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp

+ Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương* | *=* | *Định mức lao động kỹ thuật trực tiếp* | *x* | *34* |
| *312* |

+ Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.”

**Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ  - Kiểm toán Nhà nước;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);  - Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;  - Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;  - Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT; Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;  - Lưu: VT, KHTC, PC, ĐĐBĐVN. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Phương Hoa** |